

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST  
Ngày: 25-9-2019  
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Xuân Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Xuân Hùng

Ông Nguyễn Văn An

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vương là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST–DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST–DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1965

Trú tại: Ấp N – xã P – huyện T– tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số T – đường Đ – tổ dân phố N – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(bà T có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D – sinh năm: 1973

Và ông Nguyễn Trí T – sinh năm: 1966

Cùng trú tại: Tổ dân phố M – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(bà D, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 4 năm 2019 và các đơn khởi kiện sửa đổi ngày 08 tháng 4 năm 2019, ngày 22 tháng 4 năm 2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 30/3/2018 bà Nguyễn Thị T có cho bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T vay số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng trả hàng tháng là 3%/ tháng, thời hạn vay khi bà T cần thu tiền về phải báo cho bà D và ông T trước 10 ngày, bà D và ông T thế chấp tài sản một số đồ đất và nhà cho bà T. Khi vay tiền bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Trí T và bà Nguyễn Thị T đã ký 01 hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2018, ông T là người viết nội dung trong hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2018. Đến trước tháng 4/2019 bà T đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà D và ông T hứa trả nợ gốc và lãi nhưng không trả, bà T đã trả lại 01 số đồ đất và nhà cho bà D, ông T và bà D, ông T đã bán nhà, đất cho người khác nhưng kể từ khi vay cho đến nay bà D, ông T vẫn không trả gốc và lãi cho bà T. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 129.150.000đ (một trăm hai mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh của số nợ gốc 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) tính từ ngày 03/7/2019 cho đến ngày 25/9/2019 là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) x 1,66%/ 1 tháng x 02 tháng = 4.150.000 (bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra bà Nguyễn Thị T không yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T đã được Tòa án thông báo, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không có lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Nguyễn Thị T chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau căn cứ Điều 429, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi theo yêu cầu của bà T, bà Nguyễn Thị Mỹ D và

ông Nguyễn Trí T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T có nơi cư trú tại Tổ dân phố M – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng phải trả số tiền gốc và tiền lãi. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Theo biên bản xác minh ngày 24/5/2019 của Tòa án tại Công an thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng và biên bản xác minh ngày 22/7/2019 của Tòa án tại Công an thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thì bà Nguyễn Thị Mỹ D – sinh năm: 1973 và ông Nguyễn Trí T – sinh năm: 1966 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố M – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng, hiện nay có mặt tại địa phương. Tại hợp đồng vay tiền đề ngày 30/3/2018 có chữ ký của bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T thì bà D và ông T đã cung cấp địa chỉ cho người cho vay là bà T địa chỉ cư trú của bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T là Tổ dân phố M – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng và Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các phương thức tổng đạt quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập để làm việc, triệu tập đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa cho bị đơn tuy nhiên bị đơn bà D và ông T không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngoài ra bị đơn bà D và ông T cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án theo đúng thời gian triệu tập, không gửi văn bản có ghi ý kiến cho Tòa án. Bị đơn bà D và ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thì thấy rằng:

Đối với bản chính hợp đồng vay tiền đề ngày 30/3/2018 được lập thành văn bản có chữ ký của bà Nguyễn Thị Mỹ D, có chữ viết và chữ ký ông Nguyễn

Trí T về số tiền vay, thời hạn trả nợ là phù hợp với các quy định tại Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Theo bản chính bản chính hợp đồng vay tiền đề ngày 30/3/2018 mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp thì bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng trả hàng tháng là 3%/ tháng, nếu không trả lãi hàng tháng, tiền lãi suất này sau một tháng sẽ được tính như tiền gốc vay cộng vào gốc và tính lãi như tiền gốc, thời hạn vay khi bà T cần thu tiền về phải báo cho bà D và ông T trước 10 ngày. Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T thì ngay từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà D và ông T vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa mà không có lý do, bà D và ông T cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung vụ án thể hiện việc từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình và ý chí để mặc hậu quả xảy ra. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo trình bày của nguyên đơn thì vào ngày 30/3/2018 bà Nguyễn Thị T có cho bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T vay số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), đến trước tháng 4/2019 bà T đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà và ông T không trả nợ gốc và lãi, kể từ khi vay cho đến nay bà D, ông T vẫn không trả gốc và lãi cho bà T. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc vay là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Căn cứ vào Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cần buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), trong đó bà Nguyễn Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 62.500.000đ (sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Trí T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 62.500.000đ (sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về tiền lãi: Theo bản chính hợp đồng vay tiền đề ngày 30/3/2018 mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp thì xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng trả hàng tháng là 3%/ tháng, nếu không trả lãi hàng tháng, tiền lãi suất này sau một tháng sẽ được tính như tiền gốc vay cộng vào gốc và tính lãi như tiền gốc, thời hạn vay khi bà T cần thu tiền về phải báo cho bà D và ông T trước 10 ngày. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền lãi từ ngày 03/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2019 là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) x 1,66%/ 1 tháng x 02 tháng = 4.150.000đ (bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) thì căn cứ vào Điều 466,

468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự, Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cần buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền lãi là 4.150.000đ (bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó bà Nguyễn Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền lãi là 2.075.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), ông Nguyễn Trí T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền lãi là 2.075.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) là có cơ sở và đúng pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là đúng pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 129.150.000đ (một trăm hai mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) x 5% = 6.457.500đ (sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) là đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 129.150.000đ (một trăm hai mươi chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 125.000.000đ (một

trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 03/7/2019 đến ngày 25/9/2019 là 4.150.000đ (bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó bà Nguyễn Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 64.575.000đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 62.500.000đ (sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 2.075.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), ông Nguyễn Trí T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 64.575.000đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 62.500.000đ (sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 2.075.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## 2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Trí T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.457.500đ (sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị T đã nộp là 3.125.000đ (ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007710 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

## 3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 25/9/2019). Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
ĐÃ KÝ**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đinh Xuân Trường**